

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4**

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám - Nha Trang - Khánh Hòa

**Mẫu số B01 - DN**Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2010

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2010	01/01/2010
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>96.099.839.371</b>	<b>112.512.263.766</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>1.552.901.871</b>	<b>20.554.939.053</b>
1. Tiền	111	V.01	1.552.901.871	7.554.939.053
2. Các khoản tương đương tiền	112			13.000.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.02</b>	-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>80.578.596.703</b>	<b>86.269.590.198</b>
1. Phải thu khách hàng	131		86.430.903.340	93.698.113.679
2. Trả trước cho người bán	132		2.896.169.883	2.989.497.797
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	693.870.726	819.812.603
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(9.442.347.246)	(11.237.833.881)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>8.727.943.554</b>	<b>4.347.249.847</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.04	8.727.943.554	4.347.249.847
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>5.240.397.243</b>	<b>1.340.484.668</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			8.914.000
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05	-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		5.240.397.243	1.331.570.668

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4**

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám - Nha Trang - Khánh Hòa

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Mẫu số B01 - DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2010	01/01/2010
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>47.923.742.254</b>	<b>35.550.480.443</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>4.048.969.157</b>	<b>4.048.969.157</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		4.048.969.157	4.048.969.157
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	V.06	-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.07	-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>23.556.902.825</b>	<b>24.118.847.800</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	7.079.838.342	7.744.068.464
<i>Nguyên giá</i>	222		27.283.228.743	25.987.430.696
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(20.203.390.401)	(18.243.362.232)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09	-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	16.477.064.483	16.374.779.336
<i>Nguyên giá</i>	228		17.810.780.446	17.515.099.487
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.333.715.963)	(1.140.320.151)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>V.12</b>	-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>19.116.430.000</b>	<b>6.058.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	19.116.430.000	6.058.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.201.440.272</b>	<b>1.324.663.486</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	1.121.440.272	1.244.663.486
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.15	-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		80.000.000	80.000.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>144.023.581.625</b>	<b>148.062.744.209</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4**

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám - Nha Trang - Khánh Hòa

**Bảng cân đối kế toán** (tiếp theo)**Mẫu số B01 - DN**

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2010	01/01/2010
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>77.809.020.131</b>	<b>94.186.900.100</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>67.583.124.908</b>	<b>83.810.393.877</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.12	-	-
2. Phải trả người bán	312	V.13	5.735.630.879	8.634.236.411
3. Người mua trả tiền trước	313	V.14	29.217.861.682	27.001.221.672
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.15	4.635.327.109	6.514.419.819
5. Phải trả người lao động	315	V.16	10.670.105.498	19.659.579.140
6. Chi phí phải trả	316	V.17	7.929.011.055	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	5.164.482.476	16.809.311.907
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		4.230.706.209	5.191.624.928
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>10.225.895.223</b>	<b>10.376.506.223</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19	-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	10.000.000.000	10.000.000.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21	-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		225.895.223	376.506.223
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>66.214.561.494</b>	<b>53.875.844.109</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.22</b>	<b>66.214.561.494</b>	<b>53.875.844.109</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		42.580.000.000	34.295.500.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(537.710.060)	(504.830.060)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	387.169.518
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		8.348.357.892	4.416.700.630
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.825.014.566	1.473.732.004
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		565.002.912	294.746.400
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		12.433.896.184	13.512.825.617
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	432	V.23	-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>144.023.581.625</b>	<b>148.062.744.209</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4**

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám - Nha Trang - Khánh Hòa

Mẫu số B01 - DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)****CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh		
		<u>30/09/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:		2.344,56	193.367,02
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Nha Trang, ngày 22 tháng 10 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

Trần Lê Thanh Bình

Vũ Thành Danh

Phạm Minh Sơn

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Quý 3 năm 2010

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 3		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý	
			Năm 2010	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	37.902.867.851	30.501.822.742	95.043.207.568	80.571.155.285
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		37.902.867.851	30.501.822.742	95.043.207.568	80.571.155.285
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	25.735.365.305	23.575.603.465	64.989.544.424	59.948.137.757
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		12.167.502.546	6.926.219.277	30.053.663.144	20.623.017.528
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	114.952.149	53.909.359	1.362.135.221	125.371.953
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	56.188.888		689.459.722	630.222.222
Trong đó: chi phí lãi vay	23		56.188.888		689.459.722	630.222.222
8. Chi phí bán hàng	24		16.999.999	5.454.545	72.181.819	90.895.410
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		6.711.416.430	3.096.467.362	14.078.115.079	9.019.471.782
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.497.849.378	3.878.206.729	16.576.041.745	11.007.800.067
11. Thu nhập khác	31		1.015.500	218.000	2.486.500	32.405.084
12. Chi phí khác	32					3.118.182
13. Lợi nhuận khác	40		1.015.500	218.000	2.486.500	29.286.902
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.498.864.878	3.878.424.729	16.578.528.245	11.037.086.969
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.30	1.374.716.219	969.606.182	4.144.632.061	2.759.271.742
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.30	-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		4.124.148.659	2.908.818.547	12.433.896.184	8.277.815.227
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		998	857	3.042	2.493

Nha Trang, ngày 22 tháng 10 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

Trần Lê Thanh Bình

Vũ Thành Danh

Phạm Minh Sơn

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 3 năm 2010

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

- Hình thức sở hữu vốn:** Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh:** Dịch vụ tư vấn
- Ngành nghề kinh doanh:** Tư vấn, khảo sát, thiết kế điện
- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính:**

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010, ngày 19/08/2010 Hội đồng Quản trị Công ty đã hoàn tất các thủ tục tăng vốn điều lệ từ 34.295.500.000 đồng lên 42.580.000.000 đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu trả cổ tức và phát hành cổ phiếu thưởng cho CBCNV năm 2009.

### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

- Năm tài chính**  
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### **III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VÀ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

- Chế độ kế toán áp dụng**  
Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.
- Hình thức kế toán áp dụng**  
Công ty sử dụng hình thức chứng từ ghi sổ. Công việc ghi sổ kế toán được thực hiện trên phần mềm trên máy vi tính.
- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**  
Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các báo cáo tài chính.

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

- Cơ sở lập Báo cáo tài chính**  
Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4**

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP.Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### **2. Tiền và tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

### **3. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác, dự phòng công nợ phải thu khó đòi**

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào đánh giá về khả năng thu hồi của từng khoản nợ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

### **4. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho bao gồm nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, thành phẩm, hàng hóa và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

### **5. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyên giao bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP.Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

	<u>Số năm tính khấu hao</u>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
- Máy móc thiết bị	03 – 07
- Phương tiện vận chuyển	06
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

### 6. Tài sản cố định vô hình

#### *Giá trị quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao trong thời gian sử dụng. Quyền sử dụng đất lâu dài không tính khấu hao.

Quyền sử dụng đất lâu dài nhận bàn giao từ Công ty Nhà Nước được xác định theo Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa tại thời điểm ngày 31/12/2005.

#### *Phần mềm máy tính*

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong thời gian từ 3 năm đến 5 năm.

### 7. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

### 8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

### 9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và các khoản đầu tư tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4**

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP.Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phân chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

### **10. Chi phí trả trước dài hạn**

**Công cụ, dụng cụ:** Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 24 tháng.

**Giá trị lợi thế doanh nghiệp:** được xác định theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá tại thời điểm ngày 31/12/2005. Giá trị lợi thế doanh nghiệp được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 5 năm.

### **11. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác**

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

### **12. Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

### **13. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm**

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm theo quy định tại Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính và được hạch toán vào chi phí trong năm. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phân chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được trích một lần vào cuối năm tài chính.

### **14. Nguồn vốn chủ sở hữu**

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số vốn của cổ đông đã đầu tư.
- Vốn khác của chủ sở hữu: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

### **15. Cổ phiếu quỹ**

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

### **16. Cổ tức**

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

### **17. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4**

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP.Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

### **18. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

### **19. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Lãi từ các khoản đầu tư khác được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi (nếu có và lãi từ các khoản đầu tư được đánh giá là trọng yếu).

### **20. Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP.Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh. Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

### 21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	541.228.615	792.000
Tiền gửi ngân hàng	1.011.673.256	7.554.147.053
Các khoản tương đương tiền	-	13.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>1.552.901.871</u></b>	<b><u>20.554.939.053</u></b>

### 2. Phải thu của khách hàng

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các đơn vị trong EVN và NPT	29.972.060.366	31.208.933.053
Các đơn vị ngoài EVN và NPT	56.458.842.974	62.489.180.626
<b>Cộng</b>	<b><u>86.430.903.340</u></b>	<b><u>93.698.113.679</u></b>

### 3. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Năng lượng	400.000.000	400.000.000
Công ty TNHH Xây dựng Lê Nguyên	397.101.100	397.101.100
Công ty cổ phần Vật liệu CAVICO Hạ tầng	344.673.082	344.673.082
Các khách hàng khác	1.754.395.701	1.847.723.615
<b>Cộng</b>	<b><u>2.896.169.883</u></b>	<b><u>2.989.497.797</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP.Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế thu nhập cá nhân của CBCNV	-	138.008.000
Các khoản phải thu khác	693.870.726	681.804.603
<b>Cộng</b>	<b><u>693.870.726</u></b>	<b><u>819.812.603</u></b>

### 5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Chi tiết các khoản dự phòng như sau:

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khoản nợ quá hạn dưới 1 năm	-	232.858.263
Các khoản nợ quá hạn trên từ 1 năm đến 2 năm	4.434.755.405	7.450.017.594
Các khoản nợ quá hạn từ 2 đến 3 năm	4.664.291.041	3.422.252.396
Các khoản nợ quá hạn trên 3 năm	343.300.800	132.705.628
<b>Cộng</b>	<b><u>9.442.347.246</u></b>	<b><u>11.237.833.881</u></b>

### 6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	543.131.775	619.555.925
Công cụ, dụng cụ tồn kho	12.780.408	22.753.424
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	8.172.031.371	3.704.940.498
<b>Cộng</b>	<b><u>8.727.943.554</u></b>	<b><u>4.347.249.847</u></b>

### 7. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng cho người lao động	5.240.397.243	1.331.570.668
<b>Cộng</b>	<b><u>5.240.397.243</u></b>	<b><u>1.331.570.668</u></b>

### 8. Phải thu dài hạn của khách hàng

Tiền bảo hành công trình còn phải thu khách hàng

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ban quản lý dự án Thủy Điện 1	1.845.788.202	1.845.788.202
Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện Nho Quế	1.532.762.821	1.532.762.821
Ban quản lý dự án Thủy điện Trung Sơn	506.106.834	506.106.834
Các khách hàng khác	164.311.300	164.311.300
<b>Cộng</b>	<b><u>4.048.969.157</u></b>	<b><u>4.048.969.157</u></b>

### 9. Tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà xưởng, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc, thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải</u>	<u>Thiết bị quản lý</u>	<u>Tổng cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	6.063.541.735	8.450.682.678	9.679.610.309	1.793.595.974	25.987.430.696
Đầu tư mới	405.910.909	432.363.500	225.000.000	232.523.638	1.295.798.047

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4**

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP.Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<b>Nhà xưởng, vật kiến trúc</b>	<b>Máy móc, thiết bị</b>	<b>Phương tiện vận tải</b>	<b>Thiết bị quản lý</b>	<b>Tổng cộng</b>
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
<b>Số cuối quý</b>	<b>6.469.452.644</b>	<b>8.883.046.178</b>	<b>9.904.610.309</b>	<b>2.026.119.612</b>	<b>27.283.228.743</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	1.584.201.213	7.303.134.562	8.141.307.064	1.214.719.393	18.243.362.232
Trích khấu hao	273.519.470	692.156.764	784.379.696	209.972.239	1.960.028.169
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
<b>Số cuối quý</b>	<b>1.857.720.683</b>	<b>7.995.291.326</b>	<b>8.925.686.760</b>	<b>1.424.691.632</b>	<b>20.203.390.401</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	4.479.340.522	1.147.548.116	1.538.303.245	578.876.581	7.744.068.464
<b>Số cuối quý</b>	<b>4.611.731.961</b>	<b>887.754.852</b>	<b>978.923.549</b>	<b>601.427.970</b>	<b>7.079.838.342</b>

**10. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất không thời hạn</b>	<b>Quyền sử dụng đất có thời hạn</b>	<b>Phần mềm máy vi tính</b>	<b>Tổng cộng</b>
Số đầu năm	6.970.774.045	9.586.688.955	957.636.487	17.515.099.487
Tăng trong kỳ	-	-	295.680.959	295.680.959
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
<b>Số cuối quý</b>	<b>6.970.774.045</b>	<b>9.586.688.955</b>	<b>1.253.317.446</b>	<b>17.810.780.446</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>				
Số đầu năm	-	279.891.705	860.428.446	1.140.320.151
Khấu hao trong kỳ	-	149.628.600	43.767.212	193.395.812
<b>Số cuối quý</b>	<b>-</b>	<b>429.520.305</b>	<b>904.195.658</b>	<b>1.333.715.963</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu năm	6.970.774.045	9.306.797.250	97.208.041	16.374.779.336
<b>Số cuối quý</b>	<b>6.970.774.045</b>	<b>9.157.168.650</b>	<b>349.121.788</b>	<b>16.477.064.483</b>

**11. Đầu tư dài hạn khác**

	<b>Số cuối quý</b>	<b>Số đầu năm</b>
Góp vốn vào Công ty Cổ phần Bất Động Sản EVN Land Nha Trang	1.500.000.000	1.500.000.000
Góp vốn vào Công ty cổ phần Thủy điện Buôn Đôn	16.616.430.000	3.558.000.000
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	1.000.000.000	1.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>19.116.430.000</b>	<b>6.058.000.000</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP.Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 12. Chi phí trả trước dài hạn

Phát sinh trong kỳ như sau:

	<u>9 tháng đầu năm 2010</u>
Số đầu kỳ	1.244.663.486
Phát sinh tăng	435.303.071
Phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh	(558.526.285)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>1.121.440.272</u></b>

### 13. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>9 tháng đầu năm 2010</u>
Số đầu kỳ	-
Số tiền vay trong kỳ	26.500.000.000
Số tiền vay đã trả trong kỳ	(26.500.000.000)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>-</u></b>

### 14. Phải trả cho người bán

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 1	983.545.000	983.545.000
Xí nghiệp đo đạc bản đồ Nông nghiệp 1	765.398.010	1.356.212.010
Tổng công ty tư vấn xây dựng thủy lợi VN	548.352.630	695.352.630
Cty TNHH 1 thành viên khảo sát xây dựng 2	402.995.874	402.995.874
Các nhà cung cấp khác	3.035.339.365	5.196.130.897
<b>Cộng</b>	<b><u>5.735.630.879</u></b>	<b><u>8.634.236.411</u></b>

### 15. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các đơn vị trong EVN và NPT	17.497.024.593	21.473.627.703
Các đơn vị ngoài EVN và NPT	11.720.837.089	5.527.593.969
<b>Cộng</b>	<b><u>29.217.861.682</u></b>	<b><u>27.001.221.672</u></b>

### 16. Thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước

Tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế và các khoản phải nộp Nhà nước trong năm như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	5.326.946.601	5.057.145.415	8.963.232.807	1.420.859.209
Thuế thu nhập doanh nghiệp	993.131.218	4.144.632.061	1.935.946.823	3.201.816.456
Thuế thu nhập cá nhân	194.342.000	1.225.467.236	1.407.157.792	12.651.444
Tiền thuê đất, thuế nhà đất	-	7.655.000	7.655.000	-
Các loại thuế khác	-	1.681.079.016	1.681.079.016	-
<b>Cộng</b>	<b><u>6.514.419.819</u></b>	<b><u>12.115.978.728</u></b>	<b><u>13.995.071.438</u></b>	<b><u>4.635.327.109</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP.Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### *Thuế giá trị gia tăng*

Công ty nộp thuế theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng là 10%

### *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Xem thuyết minh số IV.16.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được trình bày tại thuyết minh số VI.6

### *Các loại thuế khác*

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

## 17. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản thừa chờ xử lý	214.964.407	214.964.407
Kinh phí công đoàn	813.394.048	1.153.665.648
Bảo hiểm xã hội	55.562.815	24.009.190
Phải trả EVN về cổ phần hóa	1.187.287.429	1.187.287.429
Phải trả EVN về tiền lãi vay dài hạn	612.377.889	1.078.475.111
Phải trả EVN cổ tức năm trước	848.531.000	848.531.000
Tiền góp vốn vào Cty CP TĐ Buôn Đôn từ các cổ đông khác	288.550.000	12.084.440.000
Các khoản khác	1.143.814.888	217.939.122
<b>Cộng</b>	<b><u>5.164.482.476</u></b>	<b><u>16.809.311.907</u></b>

## 18. Vay và nợ dài hạn

Khoản vay dài hạn Tập đoàn Điện Lực Việt Nam (EVN) để bổ sung vốn lưu động; thời hạn vay 6 năm; lãi suất tính bằng tiền gửi kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau bình quân tham chiếu của 4 ngân hàng Thương Mại Quốc doanh cộng thêm 1,2%.

Chi tiết phát sinh về khoản vay như sau:

	<u>Số tiền</u>
Số đầu kỳ	-
Số tiền vay trong kỳ	10.000.000.000
Số tiền vay đã trả trong kỳ	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>10.000.000.000</u></b>

## 19. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

	<u>9 tháng đầu năm 2010</u>
Số đầu kỳ	376.506.223
Trích quỹ dự phòng trong kỳ	-
Chi trợ cấp thôi việc cho công nhân viên	(150.611.000)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>225.895.223</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP.Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 20. Vốn chủ sở hữu

#### Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cổ phiếu quỹ
Số đầu năm trước	27.500.000.000	2.868.546.713	573.665.267	114.733.053	8.747.667.370	-
Tăng trong kỳ	6.795.500.000	1.548.153.917	900.066.737	396.013.347	13.255.296.741	(488.940.060)
Giảm trong kỳ	-	-	-	(216.000.000)	(13.725.148.884)	-
<b>Số dư cuối kỳ này năm trước</b>	<b>34.295.500.000</b>	<b>4.416.700.630</b>	<b>1.473.732.004</b>	<b>294.746.400</b>	<b>8.277.815.227</b>	<b>(488.940.060)</b>
Số dư đầu năm nay	34.295.500.000	4.416.700.630	1.473.732.004	294.746.400	13.512.825.617	(504.830.060)
Tăng trong kỳ	8.284.500.000	3.931.657.262	1.351.282.562	270.256.512	12.433.896.184	(32.880.000)
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	(13.512.825.617)	-
<b>Số dư cuối kỳ này năm nay</b>	<b>42.580.000.000</b>	<b>8.348.357.892</b>	<b>2.825.014.566</b>	<b>565.002.912</b>	<b>12.433.896.184</b>	<b>(537.710.060)</b>

#### Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Cổ đông	Số tiền góp vốn tại ngày 30/09/2010	Tỷ lệ %
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	21.722.240.000	51,02
Các cổ đông khác	20.857.760.000	48,98
<b>Cộng</b>	<b>42.580.000.000</b>	<b>100,00</b>

Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4 là 42.580.000.000 VND, được chia thành 4.258.000 cổ phần phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND/cổ phần.

#### Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng Quản trị.

Quỹ khác của chủ sở hữu (Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ) được dùng để bổ sung vốn điều lệ.

### 21. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

	9 tháng đầu năm 2010
Số đầu kỳ	5.191.624.928
Trích quỹ từ lợi nhuận	675.641.281
Thu từ các khoản khác	6.000.000
Chi theo quy định	(1.642.560.000)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>4.230.706.209</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP.Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

#### 1. Doanh thu thuần cung cấp hàng hóa và dịch vụ

	<u>9 tháng đầu 2010</u>	<u>9 tháng đầu 2009</u>
Doanh thu hoạt động khảo sát	21.819.075.233	16.588.517.166
Doanh thu hoạt động thiết kế	73.224.132.335	63.729.448.725
Doanh thu mua bán hàng hoá	-	253.189.394
<b>Cộng</b>	<b><u>95.043.207.568</u></b>	<b><u>80.571.155.285</u></b>

#### 2. Giá vốn hàng bán

	<u>9 tháng đầu 2010</u>	<u>9 tháng đầu 2009</u>
Giá vốn hoạt động khảo sát	15.740.663.453	11.962.840.616
Giá vốn hoạt động thiết kế	49.248.880.971	47.771.438.397
Giá vốn hàng hoá	-	213.858.744
<b>Cộng</b>	<b><u>64.989.544.424</u></b>	<b><u>59.948.137.757</u></b>

#### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>9 tháng đầu 2010</u>	<u>9 tháng đầu 2009</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	776.202.835	125.371.953
Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ	585.932.386	-
<b>Cộng</b>	<b><u>1.362.135.221</u></b>	<b><u>125.371.953</u></b>

#### 4. Chi phí tài chính

	<u>9 tháng đầu 2010</u>	<u>9 tháng đầu 2009</u>
Chi phí lãi vay	689.459.722	630.222.222
<b>Cộng</b>	<b><u>689.459.722</u></b>	<b><u>630.222.222</u></b>

#### 5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>9 tháng đầu 2010</u>	<u>9 tháng đầu 2009</u>
Chi phí cho nhân viên	9.791.403.529	5.833.416.818
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	217.597.588	209.360.791
Chi phí khấu hao tài sản cố định	212.782.111	342.628.607
Chi phí dịch vụ mua ngoài	617.307.196	482.109.347
Chi phí khác	3.239.024.655	2.151.956.219
<b>Cộng</b>	<b><u>14.078.115.079</u></b>	<b><u>9.019.471.782</u></b>

#### 6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	<u>9 tháng đầu 2010</u>	<u>9 tháng đầu 2009</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	16.578.528.245	11.037.086.969
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	16.578.528.245	11.037.086.969
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4**

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP.Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>9 tháng đầu 2010</u>	<u>9 tháng đầu 2009</u>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp</i>	<b>4.144.632.061</b>	<b>2.759.271.742</b>
<i>Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm trước</i>	-	-
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>4.144.632.061</b>	<b>2.759.271.742</b>
<b>7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>		
	<u>9 tháng đầu 2010</u>	<u>9 tháng đầu 2009</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	12.433.896.184	8.277.815.227
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	12.433.896.184	8.277.815.227
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	4.087.475	3.320.626
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>3.042</b>	<b>2.493</b>

*Nha Trang, ngày 22 tháng 10 năm 2010***Người lập biểu****Kế toán trưởng****Tổng giám đốc****Trần Lê Thanh Bình****Vũ Thành Danh****Phạm Minh Sơn**